

Bản án số: 64/2021/HC-PT

Ngày: 08-3-2021

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Hoàng Minh Thịnh

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Văn

Ông Phạm Công Mười

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 766/2020/TLPT-HC ngày 15/12/2020 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 61/2020/HC-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2021/QĐPT-HC ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ: thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Trần Anh D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp 1, xã Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Văn bản ủy quyền lập ngày 05/6/2020 tại Văn Phòng công chứng Phạm Văn Hải)

**- Người bị kiện:**

1. Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Kim P, chức vụ: Phó chủ tịch

UBND huyện.

(Văn bản ủy quyền lập ngày 03/3/2021). Có văn bản xin xét xử vắng mặt  
*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

Ông Mạch Văn L – Phó Trưởng phòng Tài nguyên-Môi trường huyện Long  
Điền,

Địa chỉ: Số 1939 quốc lộ 55, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà  
Rịa- Vũng Tàu. Có mặt

3. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

Ông Phan Văn M -Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường. Vắng mặt

Ông Hồ Việt Phước T – Chuyên viên Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài  
nguyên và Môi trường. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà  
Rịa -tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban Nhân dân thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa –  
Vũng Tàu

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Duy T- Công chức địa chính –  
Môi trường – Xây dựng. Có mặt

Địa chỉ: Thị trấn Long Đ, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu

2. Bà Mai Thị Hồng N, sinh năm 1980. Vắng mặt

Địa chỉ: Hương Lộ 3, đường 109, Tổ 2, ấp Đông, xã Long Phước, thành  
phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện Ông Trần Văn T; người bị kiện Ủy ban  
nhân huyện Long Điền; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban Nhân dân  
thị trấn Long Điền.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Năm 2006, vợ chồng ông Trần Văn T và bà Mai Thị Hồng N mua của ông  
Nguyễn Văn Ngọ nhiều thửa ruộng gò gồm thửa số 03, 39, 40, 41 tờ bản đồ số 2,  
diện tích 2.093,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa  
- Vũng Tàu. Nguồn gốc các thửa đất này do ông Ngọ khai khẩn vào những năm  
1989, quá trình sử dụng liên tục và không có tranh chấp.

Đến ngày 16-10-2018 ông T làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử  
dụng đất (GCNQSD đất) cho các thửa đất trên. Ngày 01-3-2019 UBND huyện  
Long Điền có Văn bản số 1043 (Gọi tắt là *Văn bản số 1043*) trả lời không đủ  
điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) vì các thửa đất  
03, 39, 40, 41 tờ bản đồ số 2 là đất công thuộc sự quản lý của nhà nước.

Không đồng ý với Văn bản số 1043, ông T làm đơn khiếu nại. Ngày 02-7-2019 Chủ tịch UBND huyện Long Điền ban hành Quyết định số 1968 bác nội dung đơn khiếu nại của ông T (Gọi tắt là *Quyết định số 1968*). Không đồng ý với Quyết định số 1968, ông T tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 17-12-2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3461 (Gọi tắt là *Quyết định số 3461*) bác đơn khiếu nại của ông T và giữ nguyên quyết định 1968/QĐ-UBND của UBND huyện Long Điền.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, ông T và bà N khởi kiện, đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết:

- Hủy các văn bản và quyết định: Văn bản số 1043, Quyết định số 1968 và Quyết định số 3461;

- Buộc Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền cấp GCNQSD đất đối với các thửa 3, 39, 40, 41 tờ bản đồ số 2, diện tích 2.093,9m<sup>2</sup> tại thị trấn Long Điền cho hộ gia đình ông Trần Văn T.

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Lý do ông T khởi kiện: Các thửa đất số 03, 39, 40, 41 tờ bản đồ số 02 có diện tích 2.093,9m<sup>2</sup> tọa lạc tại thị trấn Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là do ông Nguyễn Văn Ngọ khai khẩn vào những năm 1989 và canh tác ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp. Đến năm 2006 thì ông T nhận chuyển nhượng các thửa đất này bằng giấy tay từ ông Ngọ. Trước đó, năm 2005 Hội nông dân thị trấn Long Điền có đóng dấu xác nhận ông Ngọ sử dụng các thửa đất ổn định từ năm 1989 không có tranh chấp.

Năm 2018, ông T có đơn đề nghị cấp GCNQSD đất với các thửa đất 03, 39, 40, 41, tuy nhiên UBND huyện Long Điền có Văn bản số 1043 trả lời không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất cho ông T.

Ngày 20-8-2018, Đoàn khảo sát 33/TB-HĐND có Báo cáo giám sát số 208/BC-ĐKS33 cho Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh khẳng định đất của ông T đủ cơ sở xem xét cấp GCNQSD đất.

Không đồng ý với Văn bản số 1043, ông T làm đơn khiếu nại. Ngày 02-7-2019 Chủ tịch UBND huyện Long Điền ban hành Quyết định số 1968 bác nội dung đơn khiếu nại của ông T. Không đồng ý với Quyết định số 1968, ông T tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 17-12-2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3461 bác đơn khiếu nại của ông T và giữ nguyên quyết định 1968/QĐ-UBND của UBND huyện Long Điền.

Tại phiên tòa người khởi kiện tranh luận:

Để xem có phải là đất công hay không thì phải xem xét nguồn gốc quá trình sử dụng đất; Bên người bị kiện cho rằng đất của tập đoàn hợp tác xã sử dụng từ năm 1975, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Sổ mục kê năm 1996 và 2006 các thửa đất 03, 40, 41 tờ bản đồ số 2 không ai kê khai. Còn thửa 38, 39 tờ bản đồ số 2 ông Nguyễn Văn Lợi kê khai nhưng không sử dụng hai thửa đất này.

Các Thửa đất này đều ghi là đất lúa, có nghĩa là có người sử dụng, trong khi UBND thị trấn Long Điền không canh tác trên đất, cũng không có quyết định giao cho người khác. Ông Ngọ canh tác, sau đó đã chuyển nhượng cho ông T sử dụng từ năm 2006, quá trình sử dụng đất không ai tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính. Sau này UBND thị trấn Long Điền tự lập danh sách đưa vào quỹ đất công ích là không có căn cứ.

Ông T là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp và đất hiện nay vẫn phù hợp qui hoạch trồng lúa, nên ông T đủ điều kiện cấp GCNQSD đất đối với các thửa 3, 39, 40, 41 tờ bản đồ số 2, diện tích 2.093,9m<sup>2</sup> tại thị trấn Long Điền theo khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền trình bày:***

Ông Trần Văn T và bà Mai Thị Hồng N đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là giấy chứng nhận) đối với phần diện tích 2.093,9m<sup>2</sup>, loại đất nông nghiệp, gồm thửa đất số 39, 40 và một phần các thửa đất số 3, 38, 41, 42, 73, tờ bản đồ số 02, thị trấn Long Điền. Ranh giới và vị trí phần đất được thể hiện theo Sơ đồ vị trí ngày 02-4-2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (VPĐKĐĐ) huyện Long Điền xác nhận. Nguồn gốc tự kê khai do ông Nguyễn Văn Ngọ khai phá (khẩn) từ năm 1989 và đã canh tác ổn định cho đến năm 2006 thì bán lại cho ông T và ông tiếp tục canh tác cho đến nay, không có ai tranh chấp.

Nguồn gốc đất đã được UBND thị trấn Long Điền xác nhận ngày 19-11-2018 trên Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận của ông T và bà N: Đất công do Nhà nước quản lý. Ngày 22-11-2018, UBND thị trấn Long Điền có Công Văn số 423/UBND-VP về việc xác nhận phần đất ông T và bà N đang yêu cầu cấp giấy chứng nhận thuộc đất công do Nhà nước quản lý.

Ngày 04-01-2019, Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện có Công văn số 11/CNVPĐK-ĐKCG (CM) xác nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận của ông T và bà N thuộc trường hợp không cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Qua đó,

Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện đề nghị UBND huyện Long Điền có Văn bản trả lời việc xin cấp giấy chứng nhận của ông T và bà N.

Ngày 01-3-2019, UBND huyện Long Điền có Văn bản số 1043/UBND-TNMT về việc giải quyết hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất của ông T và bà N; theo đó, không đủ điều kiện để được UBND huyện Long Điền xem xét, cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về đất đai.

Không đồng ý, ông T khiếu nại và được UBND huyện Long Điền thụ lý. Tại Quyết định số 1968 giải quyết khiếu nại của ông T (lần đầu), đã bác đơn khiếu nại của ông T và bác yêu cầu của ông T về việc cấp GCNQSD đất cho ông T và bà N đối với diện tích 2.093,9m<sup>2</sup> gồm thửa đất số 39, 40 và một phần các thửa đất số 3, 38, 41, 42, 73, tờ bản đồ số 02, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền.

Việc UBND huyện Long Điền giải quyết khiếu nại của ông T (lần đầu) trên cơ sở như sau:

- Căn cứ pháp lý: Khoản 2 Điều 8 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng được giao để quản lý, đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương” và Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về các trường hợp không cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

“1. Tổ chức, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao đất để quản lý thuộc các trường hợp quy định tại Điều 8 của Luật Đất đai.

2. Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.”.

+ Kết quả xác nhận của UBND thị trấn Long Điền về nguồn gốc đất ông Trần Văn T khiếu nại là đất công do Nhà nước quản lý.

+ Ông Trần Văn T không có cung cấp được các giấy tờ pháp lý chứng minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với phần diện tích 2.093,9m<sup>2</sup>.

+ Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan trong quá trình xác minh vụ khiếu nại của ông Trần Văn T.

Không đồng ý, ông T khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT và được giải quyết tại Quyết định số 3461 giải quyết đơn của ông T (lần hai). Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh bác đơn khiếu nại của ông T và công nhận, giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1968 của Chủ tịch UBND huyện Long Điền.

Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện Long Điền và UBND huyện Long Điền không đồng ý theo nội dung khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản số 1043, Quyết định số 1968 và Quyết định số 3461.

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình bày:***

Quá trình ông Trần Văn T và bà Mai Thị Hồng N có đơn xin cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*gọi tắt là giấy chứng nhận*) đối với diện tích 2.093,9m<sup>2</sup>, loại đất nông nghiệp, gồm thửa đất số 39, 40 và một phần các thửa đất số 3, 38, 41, 42, 73, tờ bản đồ số 02, thị trấn Long Điền đã được Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền trình bày như trên là đúng.

- Kết quả đo đạc hồ sơ địa chính: Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Long Điền thực hiện ngày 02-4-2018:

- Thửa 03, tờ bản đồ số 02: Theo Bản đồ địa chính năm 1996, có diện tích 5.646m<sup>2</sup>, loại đất “2L” không có ai đăng ký tên trong Sổ mục kê năm 1996. Theo Bản đồ địa chính năm 2006, thửa đất số 03 có diện tích 4.826,5m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa. Bà Phạm Thị Toàn đã được UBND huyện Long Điền cấp giấy chứng nhận số BS 717989 ngày 15/7/2014 (*số thửa mới là 257: diện tích 3.422,6m<sup>2</sup>, loại đất LUA*) và đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn T và bà Mai Thị Hồng N cùng năm 2014. Diện tích còn lại 1.403,9m<sup>2</sup>, trong đó ông T và bà N đăng ký cấp giấy chứng nhận với diện tích 1.344,2m<sup>2</sup>.

- Thửa 38, tờ bản đồ số 02: Theo Bản đồ địa chính năm 1996, có diện tích 468m<sup>2</sup>, loại đất “2L”. Theo Bản đồ địa chính năm 2006, thửa 38 có diện tích 467,8m<sup>2</sup> LUA; do ông Nguyễn Văn Lợi đăng ký tên trong Sổ mục kê năm 1996 và 2006. Ông T và bà N đăng ký cấp giấy chứng nhận với diện tích 17,6m<sup>2</sup>.

- Thửa 39, tờ bản đồ số 02: Theo Bản đồ địa chính năm 1996, có diện tích 163m<sup>2</sup>, loại đất “2L”. Theo Bản đồ địa chính năm 2006, thửa 39 có diện tích 164,3m<sup>2</sup> LUA; do ông Nguyễn Văn Lợi đăng ký tên trong Sổ mục kê năm 1996 và 2006. Ông T và bà N đăng ký cấp giấy chứng nhận toàn bộ thửa 39.

- Thửa 40, tờ bản đồ số 02: Theo Bản đồ địa chính năm 1996, có diện tích 296m<sup>2</sup>, loại đất “2L”. Theo Bản đồ địa chính năm 2006, thửa 40 có diện tích 293,5m<sup>2</sup> LUA; không có ai đăng ký tên trong Sổ mục kê năm 1996 và 2006. Ông T và bà N đăng ký cấp giấy chứng nhận toàn bộ thửa 40.

- Thửa 41, tờ bản đồ số 02: Theo Bản đồ địa chính năm 1996, có diện tích 318m<sup>2</sup>, loại đất “2L”. Theo Bản đồ địa chính năm 2006, thửa 41 có diện tích

330,5m<sup>2</sup> LUA; không có ai đăng ký tên trong Sổ mục kê năm 1996 và 2006. Ông T và bà N đăng ký cấp giấy chứng nhận 251,9m<sup>2</sup>.

- Thửa 42, tờ bản đồ số 02: Theo Bản đồ địa chính năm 1996, có diện tích 2.759m<sup>2</sup>, loại đất “2L”. Theo Bản đồ địa chính năm 2006, thửa 42 có diện tích 2.760,2m<sup>2</sup> LUA; không có ai đăng ký tên trong Sổ mục kê năm 1996 và 2006. Ông T và bà N đăng ký cấp giấy chứng nhận 12,8m<sup>2</sup>.

- Thửa 73, tờ bản đồ số 02: Theo Bản đồ địa chính năm 1996, có diện tích 935m<sup>2</sup>, loại đất “2L”. Theo Bản đồ địa chính năm 2006, thửa 73 có diện tích 934,4m<sup>2</sup> LUA; không có ai đăng ký tên trong Sổ mục kê năm 1996 và 2006. Ông T và bà N đăng ký cấp giấy chứng nhận 9,6m<sup>2</sup>.

Như vậy, Hồ sơ địa chính thị trấn Long Điền ký duyệt năm 1996 và 2006 thể hiện ông T và bà N không đăng ký, kê khai tại các thửa đất trên.

- Kết quả xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng:

Theo tài liệu có trong hồ sơ thì phần đất ông T yêu cầu cấp giấy chứng nhận có diện tích 2.093,9m<sup>2</sup> gồm thửa đất số 39, 40 và một phần các thửa đất số 3, 38, 41, 42, 73, tờ bản đồ số 02, thị trấn Long Điền, (ranh giới và vị trí phần đất thể hiện theo Sơ đồ vị trí được Chi nhánh VPĐKKĐ huyện Long Điền xác nhận ngày 02-4-2018). Ông T cho rằng phần đất trên do ông Nguyễn Văn Ngọ khai phá (khẩn) từ năm 1989 và đã canh tác ổn định cho đến năm 2006 thì bán lại cho ông T và ông T tiếp tục canh tác cho đến nay.

Các giấy tờ ông T cung cấp:

+ Đơn xin đăng ký đất ngày 08-6-2005 của ông Nguyễn Văn Ngọ đối với 01 thửa đất ngang 29m, dài 31m tại Bò Gò Lồi;

+ Giấy mua bán đất ruộng của ông Nguyễn Văn Ngọ, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Thành cho ông Trần Văn T ngày 16-9-2006 đối với phần ruộng gò tọa lạc tại Bò Gò Lồi;

+ Giấy xác nhận (không có đề ngày, tháng) có những người dân xác nhận và không có chữ ký của ông T.

Tuy nhiên, các giấy tờ trên đều là bản photo, không có xác nhận, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, không thể hiện số tờ bản đồ, số thửa đất, diện tích, sơ đồ vị trí khu đất kèm theo. Các giấy tờ này không có giá trị pháp lý, chỉ có giá trị tham khảo. Trong hồ sơ địa chính liên quan cũng không có thể hiện việc kê khai, đăng ký sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ngọ, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Thành (là những người có tên trong tờ photo giấy mua bán ruộng ngày 16/9/2006 do ông T cung cấp) đối với phần đất ông T yêu cầu cấp giấy chứng nhận.

- Phần đất 2.093,9m<sup>2</sup> ông T đang khiếu nại yêu cầu cấp giấy chứng nhận:

+ Năm 2014, bà Nguyễn Thị N (là người có tên trong bản photo Giấy mua bán đất ruộng của ông Nguyễn Văn Ngọ, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Thành cho ông Trần Văn T ngày 16-9-2006 do ông T cung cấp) đã đăng ký cấp giấy chứng nhận với nguồn gốc đất bà N tự kê khai do cha là ông Nguyễn Văn Ngọ khai phá từ năm 1989, sử dụng đến năm 2012 để lại cho con là Nguyễn Thị N tiếp tục canh tác ổn định đến nay.

+ Ngày 30-9-2014, UBND thị trấn Long Điền có văn bản số 411/UBND-VP trả lời đơn của bà Nguyễn Thị N đề nghị cấp giấy chứng nhận tại phần đất trên không có cơ sở để xem xét vì thuộc đất do Nhà nước quản lý.

+ Tại Biên bản làm việc ngày 23-3-2018 của UBND thị trấn Long Điền, bà Nguyễn Thị N cho biết: “Đối với các thửa đất số 39, 40, 41 và một phần thửa 03, tờ bản đồ số 02 trước đây cha bà là ông Nguyễn Văn Ngọ đã bán giấy tay cho người khác ở Long Phước (bà không biết tên) khoảng hơn 10 năm nay nên bà không có ý kiến hay khiếu nại gì”.

+ Tại Biên bản ngày 10-5-2018 của UBND thị trấn Long Điền, bà N có ý kiến: “Trước đây cha bà là Nguyễn Văn Ngọ có khai hoang một phần đất tại Bô Gò Lồi nhưng bà không nhớ rõ khai hoang vào năm nào (Đông giáp: Đá Heo; Tây giáp: Ruộng ông Tám Lợi; Nam giáp: Ruộng Cây Trâm; Bắc giáp: Ruộng ông Thu) thuộc cánh đồng ruộng Khu phố Long Phước, thị trấn Long Điền, diện tích chưa đến một sào đất (1.000m<sup>2</sup>), ông Ngọ sử dụng và sang nhượng lại cho ông Trần Văn T phần diện tích đất này. Khi sang nhượng bà chỉ biết ký tên vào giấy sang nhượng đất mà cha bà đã làm vào ngày 16/9/2006, còn nội dung trong tờ “Giấy mua bán đất ruộng” thì bà không rõ. Bà cam kết cha bà chỉ sang nhượng cho ông T phần diện tích khai hoang chưa đến một sào (1.000m<sup>2</sup>) như “Đơn xin đăng ký đất” của ông Nguyễn Văn Ngọ viết vào ngày 08/6/2005, còn phần diện tích 2.093,9m<sup>2</sup> hiện nay ông T đang đề nghị cấp giấy chứng nhận tại các thửa 39, 40, 41, cắt từ thửa 03, tờ bản đồ số 02 không phải của cha bà sang nhượng lại và bà cũng không biết ông T căn cứ vào giấy tờ nào để đo đạc và đề nghị cấp giấy chứng nhận”.

+ Biên bản ngày 12-8-2014 của UBND thị trấn Long Điền về việc xác minh nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất đối với phần đất 2.093,9m<sup>2</sup>, các hộ dân biết sự việc và canh tác xung quanh đều cho rằng phần đất bà Nguyễn Thị N đang yêu cầu cấp giấy chứng nhận (cũng là phần đất hiện ông T yêu cầu cấp giấy chứng nhận) là đất ruộng gò cao, không trồng lúa được từ trước năm 1975 đến nay nên không có ai canh tác và được Nhà nước quản lý từ đó cho đến nay.



+ Tại thời điểm năm 2014, UBND thị trấn Long Điền đã tiến hành rà soát kiểm tra các khu vực đất công do Nhà nước quản lý và phát hiện sự việc có hộ dân cày xới để chuẩn bị canh tác trên phần diện tích 2.093,9m<sup>2</sup> mà bà Nguyễn Thị N đang yêu cầu cấp giấy chứng nhận.

+ Tại Biên bản làm việc ngày 31-12-2014, ông T thừa nhận ông T là người trực tiếp cày xới để trồng cỏ nuôi bò trên phần đất này. UBND thị trấn Long Điền đã yêu cầu ông T tạm ngưng cày xới đất, nếu tiếp tục vi phạm sẽ bị xem xét xử lý vi phạm theo quy định.

+ Theo văn bản số 423/UBND-VP ngày 22-11-2018, UBND thị trấn Long Điền xác nhận phần diện tích đất ông T đang đăng ký cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc là đất công do Nhà nước quản lý.

+ Theo Biên bản làm việc ngày 25-01-2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Điền, UBND thị trấn Long Điền xác nhận: Phần đất ông T và bà N đang yêu cầu cấp giấy chứng nhận là đất công do UBND thị trấn Long Điền quản lý từ sau năm 1975 đến nay, có thống kê vào danh sách đất công do Nhà nước quản lý.

+ Theo Văn bản số 33/UBND-VP ngày 17-01-2014 và văn bản số 82/UBND-VP ngày 08-3-2018 của UBND thị trấn Long Điền, các thửa đất số 3, 38, 39, 40, 41, tờ bản đồ số 02 được UBND thị trấn Long Điền thống kê là đất Nhà nước quản lý (trừ diện tích đã cấp giấy chứng nhận cho bà Phạm Thị Toàn tại một phần thửa đất 03).

#### *Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất*

Trên phần diện tích đất đang khiếu nại yêu cầu cấp GCNQSD đất có khoảng 20 cây chuối do ông T trồng vào cuối năm 2018, có 02 bụi chuối trồng vào khoảng năm 2015, ngoài ra là đất trống cỏ mọc tự nhiên. Theo ông T, khu vực này không trồng trọt được các loại cây lương thực, nên ông T không trồng trọt mà chủ yếu dưỡng cỏ nuôi bò.

- Nhận xét: Phần đất ông T yêu cầu cấp giấy chứng nhận là 2.093,9m<sup>2</sup> gồm các thửa đất số 39, 40 và một phần các thửa đất số 3, 38, 41, 42, 73, tờ bản đồ số 02, thị trấn Long Điền. Hồ sơ địa chính thị trấn Long Điền ký duyệt năm 1996 và 2006 không thể hiện ông T đăng ký, kê khai tại các thửa đất trên.

Ông T cho rằng phần đất trên do ông Nguyễn Văn Ngọ khai phá (khẩn) từ năm 1989 và đã canh tác ổn định đến năm 2006 thì bán lại cho ông T tiếp tục canh tác cho đến nay. Tuy nhiên, các giấy tờ ông T cung cấp là bản photo, không có xác nhận, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, không thể hiện diện tích đất, số thửa đất, số tờ bản đồ, sơ đồ vị trí khu đất kèm theo. Các giấy tờ này

không có giá trị pháp lý, chỉ có giá trị tham khảo; hồ sơ địa chính liên quan cũng không thể hiện việc kê khai, đăng ký sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ngo, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Thành (là những người có tên trong tờ photo giấy mua bán ruộng ngày 16/9/2006 do ông T cung cấp) đối với phần đất ông T đang yêu cầu cấp giấy chứng nhận.

Năm 2014, bà Nguyễn Thị N đã đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với phần đất này; tuy nhiên, UBND thị trấn Long Điền đã có văn bản trả lời bà N là không có cơ sở để xem xét vì đất do Nhà nước quản lý. Bà N cũng khẳng định 2.093,9m<sup>2</sup> đất hiện nay ông T đang đề nghị cấp giấy chứng nhận không phải của cha bà sang nhượng lại và bà N cũng không biết ông T căn cứ vào giấy tờ nào để đề nghị cấp giấy chứng nhận (biên bản ngày 10-5-2018 của UBND thị trấn Long Điền). Các hộ dân canh tác xung quanh khu đất cũng đều cho rằng phần đất là ruộng gò cao, không trồng lúa được, từ trước năm 1975 đến nay không có ai canh tác và được Nhà nước quản lý từ đó đến nay.

Ngày 31-12-2014, kiểm tra, phát hiện ông T cày xới đất trồng cỏ trên phần đất này, UBND thị trấn Long Điền đã yêu cầu ông T ngưng cày xới đất, nếu tiếp tục vi phạm sẽ bị xem xét xử lý vi phạm theo quy định. Trước khi ông T tự ý cày xới đất trồng cỏ trên phần đất này, thì phần đất này UBND thị trấn Long Điền xác nhận là đất công do Nhà nước quản lý.

Như vậy, ông T không cung cấp được các giấy tờ pháp lý chứng minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất; không đăng ký kê khai và không thực hiện nghĩa vụ cho Nhà nước đối với 2.093,9m<sup>2</sup> đất nêu trên. Do đó, ông T thuộc trường hợp không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất trên theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền ban hành Văn bản số 1043, Chủ tịch UBND huyện Long Điền ban hành Quyết định số 1968 và Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 3461 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và có căn cứ pháp luật.

Từ quá trình giải quyết và những nhận xét nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị Tòa án tuyên xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn T về các yêu cầu:

- Tuyên hủy: Văn bản số 1043, Quyết định số 1968 và Quyết định số 3461
- Buộc UBND huyện Long Điền cấp GCNQSD đất đối với các thửa 03, 39, 40, 41 tờ bản đồ số 02, diện tích 2.093,9m<sup>2</sup> đất tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền cho hộ gia đình ông Trần Văn T.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị Hồng N trình bày:**  
Đồng ý với khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban Nhân dân thị trấn Long Điền trình bày:** Đồng ý với ý kiến của Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 66/2020/HSCT ngày 22/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:*

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính;

Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T:

- Hủy một phần (Phần không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 1.344,2m<sup>2</sup> là một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 02, thị trấn Long Điền) tại các quyết định và văn bản sau: Văn bản số 1043/UBND-TNMT ngày 01-3-2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền, Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 02-7-2019 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền, Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 17-12-2019 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Buộc Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích khoảng 1.344,2m<sup>2</sup> đất là một phần thửa 03, tờ bản đồ số 02 thị trấn Long Điền, huyện Long Điền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho hộ ông Trần Văn T theo qui định pháp luật.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 và 05-10-2020 người bị kiện là Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban Nhân dân thị trấn Long Điền có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T vì ông T không sử dụng đất, không kê khai đăng ký, các giấy tờ ông T cung cấp không có giá trị pháp lý. Ngày 07-10-2020 người khởi kiện ông Trần Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

ông hủy toàn bộ Văn bản số 1043/UBND-TNMT ngày 01-3-2019 của Ủy ban nhân huyện Long Điền; hủy Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 02-7-2019 của Chủ tịch UBND huyện Long Điền; hủy Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 17-12-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền trình bày:* Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và các quy định của pháp luật đất đai thì phần diện tích đất mà ông T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc đất công do Nhà nước quản lý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Nguồn gốc diện tích đất 1.344m<sup>2</sup> là do ông Ngọ khai phá từ năm 1989 sau đó chuyển nhượng lại cho ông T và ông T sử dụng ổn định, do đó ông T có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Các phần đất khác không rõ nguồn gốc, không sử dụng nên không đủ điều kiện được cấp giấy. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, UBND huyện Long Điền, UBND thị trấn Long Điền và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên những kháng cáo này được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, về thẩm quyền xét xử, về thời hiệu khởi kiện như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định pháp Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành văn bản số 1043//UBND-TNMT ngày 01-3-2019 của Ủy ban nhân huyện Long Điền; Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 1968/QĐ-UBND ngày 02-7-2019 của Chủ tịch UBND huyện Long Điền và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3461/QĐ-UBND ngày 17-12-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu là đúng quy định của pháp luật đất đai và luật khiếu nại năm 2011.

[4] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất 2.093,9m<sup>2</sup>:

[4.1] Hiện ông T đang sử dụng diện tích đất nông nghiệp 2.093,9m<sup>2</sup> bao gồm một phần thửa số 03 diện tích 1.344,2m<sup>2</sup>; thửa số 39 diện tích 164,3m<sup>2</sup>; thửa số 40 diện tích 293,5m<sup>2</sup>; một phần thửa số 41 diện tích 251,9m<sup>2</sup>. Các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 02 thị trấn Long Điền. Theo ông T và bà Nguyễn Thị N (con gái của ông Nguyễn Văn Ngọ) cho rằng diện tích đất nêu trên là của ông Nguyễn Văn Ngọ khai phá vào năm 1989, ông Ngọ sử dụng ổn định đến năm 2006 thì chuyển nhượng bằng giấy tay lại cho ông T và ông T sử dụng cho đến nay. Ông T có cung cấp một tờ giấy xác nhận (phô tô) của các ông Đỗ Văn Lĩnh, Nguyễn Đức Tiến, Trần Minh Hải xác nhận nguồn gốc các thửa đất số 3, 39, 40 và 41 là do ông Ngọ khai khẩn năm 1989 đến năm 2006 thì bán lại cho ông T. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của những người này để làm rõ nguồn gốc đất là thiếu sót vì giấy xác nhận này là bản phô tô và không có xác nhận chữ ký của chính quyền địa phương. Hơn nữa, giấy xác nhận này mâu thuẫn với lời khai của ông Nguyễn Văn Lợi tại biên bản ngày 12-8-2014 (là hộ dân canh tác liền kề) và công văn số 411/UBND-VP ngày 30-9-2014 của UBND thị trấn Long Điền (BL số 214) thể hiện về nguồn gốc đất tại một phần thửa số 03, thửa số 39, 40 và 41 tờ bản đồ số 02: “Theo ý kiến của hộ dân canh tác liền kề khu đất này cho biết, do ruộng gò cao không thể trồng lúa được nên không ai canh tác từ những năm 1975 đến nay”. Mâu thuẫn này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

[4.2] Ngoài ra, theo ông T cho rằng sau khi ông mua diện tích đất nêu trên của ông Ngọ vào năm 2006 thì ông canh tác ổn định cho đến nay, điều này mâu thuẫn với lời trình bày của bà Nguyễn Thị N (con ông Ngọ) tại tờ tường trình về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất, bà N xác định diện tích đất 2.093,9m<sup>2</sup> tại các thửa số 3, 39, 40, 41 là do cha của bà là ông Ngọ khai phá năm 1989 canh tác ổn định đến năm 2012 thì cho lại bà canh tác ổn định đến nay, xác nhận của tổ dân cư và khu phố đều xác nhận trình bày của bà N là đúng. Tại đơn xin đăng ký đất của ông Nguyễn Văn Ngọ lập ngày 08-6-2005 ông xác định ông có khai phá diện tích đất tại ruộng 29m x 31m, có xác nhận của chủ tịch Hội nông dân xã Nguyễn Văn Lợi xác nhận ông Ngọ khai phá đất năm 1989 và sử dụng ổn định đến nay, nhưng tại các biên bản làm việc ngày 06-8-2012 (bl 297), biên bản làm việc ngày 12-8-2014 (bl 216) thì ông Nguyễn

Văn Lợi - Chủ tịch Hội nông dân thị trấn Long Điền lại xác định phần diện tích đất gò ruộng nêu trên là không có ai canh tác từ trước năm 1975 đến nay, phần đất này thuộc nhà nước quản lý và giao do hợp tác xã sử dụng. Những mâu thuẫn này cũng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

[4.3] Theo sổ mục kê đất đai năm 2006 thì thửa đất số 39 diện tích 164,3m<sup>2</sup> là do ông Nguyễn Văn Lợi kê khai đăng ký, Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không đưa ông Lợi vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lợi. Theo biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 11-9-2020 thì ông Nguyễn Văn Lợi đã chết vào tháng 02-2019, vì vậy cần đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lợi vào tham gia tố tụng.

[4.4] Tại biên bản xác minh hiện trạng đất ngày 10-10-2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường, có sự tham gia của ông T thì trên diện tích đất 2.093,9m<sup>2</sup> mà ông T yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có khoảng 20 cây chuối do ông T trồng năm 2018, có hai loại chuối trồng năm 2015, còn lại là đất trống, cỏ mọc tự nhiên.

[5] Với các chứng cứ còn mâu thuẫn về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng, bỏ sót người tham gia tố tụng như phân tích nêu trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là chưa đủ căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của UBND huyện Long Điền, UBND thị trấn Long Điền, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

- Tiền án phí hành chính sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Các đương sự không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị giữ y án sơ thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, Ủy ban Nhân dân thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

1. Hủy bản án sơ thẩm số 61/2020/HC-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử khiếu kiện hành chính giữa người khởi kiện Trần Văn T với người bị kiện Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử lại vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu trả lại cho ông Trần Văn T 300.000 đồng, trả cho Ủy ban Nhân dân huyện Long Điền 300.000 đồng, trả cho Ủy ban Nhân dân thị trấn Long Điền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0007039 ngày 07/10/2020; biên lai số 0007037 ngày 05-10-2020; biên lai số 0007035 ngày 02-10-2020.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.***

**CÁC THẨM PHÁN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Văn**

**Phạm Công Mười**

**Hoàng Minh Thịnh**

***Nơi nhận:***

- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu Hs, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Minh Thịnh**